

Bản án: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 7 - 6 - 2022

V/v ly hôn giữa chị Hai và anh Luân

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Biên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quốc Sửu.

2. Bà Giáp Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang, thư ký Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ, Kiểm sát viên.

Ngày 7 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 251/2021/TLST- HNGĐ ngày 9 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2022/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2022/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lưu Thị H, sinh năm 1990, có mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1990, vắng mặt.

- Cùng cư trú tại: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án chị Lưu Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn L ngày 6/02/2020, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận đi đến cuộc sống chung, vợ chồng cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc

Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng: Phát sinh từ cuối tháng 12/2020, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm lối sống, không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng sống ly thân từ tháng 8/2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị giữ nguyên yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không có con nuôi nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và công nợ.

Tại bản tự khai đề ngày 14/12/2021 anh Nguyễn Văn L trình bày: Năm 2020 anh và chị Lưu Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, sau khi kết hôn anh và chị H có đi Hà Nội làm ăn, vợ chồng có nhiều lần xảy ra cãi vã nhưng đều bỏ qua và vun vén cuộc sống gia đình. Đến tháng 10/2021 chị H đã bỏ đi và không về chung sống cùng anh, anh nhận được thông báo thụ lý vụ án ngày 9/12/2021 của Tòa án về việc chị H xin ly hôn. Anh vẫn còn tình cảm sâu đậm với vợ và mong muốn hòa giải để đoàn tụ, nên anh không đồng ý ly hôn với chị Lưu Thị H.

Cán bộ Tòa án và cán bộ địa phương đến gia đình anh Nguyễn Văn L nhiều lần để giao giấy tờ và để làm việc, nhưng anh L không về gia đình nên không thể tiến hành làm việc được. Mẹ đẻ anh L là bà Nguyễn Thị T nhận giấy tờ của Tòa án và cam đoan sẽ thông báo các giấy tờ cho con trai bà. Tòa án đã nhiều lần gọi điện thoại yêu cầu anh Nguyễn Văn L đến Tòa án để làm việc, nhưng anh L đều xác định là không đồng ý ly hôn với chị H nên không đến Tòa án làm việc.

Tại phiên tòa chị Lưu Thị H vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Nguyễn Văn L được ly hôn. Về con chung, tài sản và công nợ chung không có, không đề nghị Tòa án giải quyết. Anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng thủ tục tố tụng; tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tiến hành đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn chị Lưu Thị H thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định; bị đơn anh Nguyễn Văn L đã được Tòa án giao giấy triệu tập phiên tòa; tổng đạt quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ, nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa, do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh L là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L được ly hôn.

Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành giao giấy triệu tập phiên tòa và quyết định xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho bị đơn anh Nguyễn Văn L, nhưng anh L vẫn vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn chị Lưu Thị H và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa thì có cơ sở xác định như sau:

Chị Lưu Thị H kết hôn anh Nguyễn Văn L ngày 6/02/2020 trên cơ sở hai bên được tự do tìm hiểu, tự nguyện thỏa thuận, vợ chồng tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc, vợ chồng chưa có con chung với nhau, do vậy cần xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nay chị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết

ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung và tài sản, công nợ chung; Tòa án thụ lý vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình là đúng theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Mâu thuẫn vợ chồng: Chị H xác định mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cuối tháng 12/2020, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm, lối sống không thống nhất được với nhau trong việc làm ăn phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng đối xử lạnh nhạt và sống ly thân từ tháng 08/2021. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, cuộc sống chung không thể hàn gắn được, không còn khả năng đoàn tụ, do vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh L được ly hôn.

Anh Nguyễn Văn L trong bản tự khai xác định vợ chồng có nhiều lần xảy ra cãi vã, nhưng vợ chồng vẫn bỏ qua và tiếp tục vun vén cuộc sống hạnh phúc gia đình, đến tháng 10/2021 chị H bỏ đi không rõ lý do, anh đã tìm mọi cách nhưng chị H không quay về. Nay anh xác định tình cảm chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Căn cứ vào lời khai của chị Lưu Thị H và bản tự khai của anh Nguyễn Văn L, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, xét thấy tình trạng hôn nhân của chị H và anh L đã xảy ra căng thẳng trầm trọng, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài, không còn quan tâm đến nhau, không có quan hệ tình cảm và không còn khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H xin ly hôn, mặc dù anh L mong muốn đoàn tụ vợ chồng nhưng trong quá trình làm việc anh L không đến Tòa án, chứng tỏ anh L không có thiện chí thật sự mong muốn đoàn tụ vợ chồng. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, xử cho chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L được ly hôn là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L không có con chung, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Chị H xác định vợ chồng không có tài sản chung, không liên quan vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản; do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Xử

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lưu Thị H và anh Nguyễn Văn L được ly hôn.

[2] Về con chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản; công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Lưu Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí; lệ phí Tòa án số: 0011401 ngày 09/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang. Khoản tiền này được chuyển thành án phí.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- UBND xã Ngọc Thiệu;
- Chi cục THADS huyện Tân Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Huy Biên